

Bản án số: **342/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/11/2021

V/v: “Ly hôn giữa anh T với chị S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hoàng Hoa;
2. Ông Nguyễn Quốc Thuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Nguyễn – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2021/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh T, sinh năm 1968; Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
2. *Bị đơn:* Chị S, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Anh T, chị S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị S sống chung với nhau từ năm 1987 và có đăng ký kết hôn vào năm 2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 06/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa là do vợ chồng sống chung không hạnh phúc, chị S ghen tuông, nghi ngờ anh dẫn đến bất đồng quan điểm. Anh thừa nhận có quan hệ tình cảm với người khác nhưng nay đã chấm dứt mối quan hệ này nhưng chị S vẫn ghen với anh và không tin tưởng anh. Anh và chị S vẫn còn sống chung với nhau nhưng không còn tình cảm. Nay anh thấy

vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị S.

- Về con chung: Có hai con chung tên Đinh Thị Mộng Nhi, sinh ngày 15/5/1989 và Đinh Anh Tú Tú, sinh ngày 12/7/2004. Hiện hai con đang sống cùng với anh và chị S. Khi ly hôn anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết

- Về nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân chị ghen tuông với anh T là do anh T ngoại tình, chị bắt gặp và nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T vẫn giữ ngoại tình. Chị và anh T vẫn còn chung sống với nhau không có ly thân. Nay chị không đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T.

- Về con chung: Có hai con chung tên Đinh Thị Mộng Nhi, sinh ngày 15/5/1989 và Đinh Anh Tú Tú, sinh ngày 12/7/2004. Hiện hai con đang sống cùng với anh T và chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung với chị S nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Chị S có nơi cư trú tại ấp L, xã B, huyện G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị S chung sống với nhau từ năm 1987, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G vào năm 2005 là phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với chị S. Phía chị S không đồng ý ly hôn với anh T. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là xuất phát từ việc anh T có quan hệ ngoại tình, dẫn đến không quan tâm đến cuộc sống của vợ chồng, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc nhau. Anh T cũng thừa nhận có ngoại tình nhưng đã chấm dứt mối quan hệ này. Chị S xin được đoàn tụ và hiện vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau, chưa có ly thân, thời gian mâu thuẫn mới phát sinh nên mâu thuẫn của vợ chồng vẫn còn có thể giải quyết, hàn gắn tình cảm được. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Do yêu cầu xin ly hôn của anh T không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét đến quan hệ về con chung, tài sản chung và nợ chung của anh T và chị S.

[4] Về án phí: Anh T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh T xin ly hôn chị S.

2. Về án phí: Anh T tự nguyện chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 5001 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vĩnh Lộc